

Bản án số: 967/2026/HS-PT

Ngày: 30 - 9 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

2. Bà Phạm Uyên Thy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Nguyên Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 708/2026/TLPT-HS ngày 13/8/2026 đối với Đoàn Thị Ánh N và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Đoàn Thị Ánh N và Hồ TA đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 917/2026/HS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đoàn Thị Ánh N; giới tính: Nữ; sinh ngày 31/10/1988, tại tỉnh Gia Lai (Bình Định cũ); nơi thường trú: Số A TMN, phường BH, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (hiện đã xin ra khỏi Đảng); nghề nghiệp: Nguyên Kiểm tra viên; con ông ĐH và bà NTHN; hoàn cảnh gia đình: có chồng và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Hồ TA; giới tính: Nữ; sinh ngày 05/01/1967 tại tỉnh Hưng Yên; nơi thường trú: Số BB NM, phường QNN, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (hiện đã xin ra khỏi Đảng); nghề nghiệp: Hưu trí; con ông HKH và bà TTT; hoàn cảnh gia đình: chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa: Ông NQT - Luật sư Công ty Luật TNHH QT, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo HỒ TA (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 02 bị cáo khác, không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/10/2008, bà VTN, khởi kiện vợ chồng Nguyễn Ngọc T, Trần Thị H về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 16/10/2018 Tòa án nhân dân Quận 2 cũ, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà VTN (Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2018/DS-ST), Trần Thị H và Nguyễn Ngọc T kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị đơn (Quyết định phúc thẩm dân sự số 11/2022/QĐ-PT).

Thông qua sự giới thiệu của người quen, H và T nhờ HỒ TA (nguyên Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định cũ đã nghỉ hưu) tư vấn, giúp đỡ để được xem xét kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự số 82. Ngày 28/12/2022, HỒ TA giúp vợ chồng H, T viết đơn gửi cơ quan có thẩm quyền đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự số 82. Khoảng đầu năm 2023, T gọi điện thoại cho TA hỏi kết quả giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm. TA nói H gửi hình ảnh biên nhận nhận đơn đề nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển cho Đoàn Thị Ánh N - Kiểm tra viên công tác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao 3, trước đây là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định cũ kiểm tra giúp.

Khoảng tháng 03/2023, N gọi điện thoại thông báo cho TA biết mình được phân công nghiên cứu giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm nêu trên. Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy có căn cứ đề xuất kháng nghị nên N đã gọi điện thoại nói với TA phải chi số tiền 300.000.000 đồng. TA thông báo cho H biết để được xem xét kháng nghị và nói H chuyển 300.000.000 đồng vào số tài khoản của TGH (là cháu ruột TA), trong lúc nói chuyện H bật chế độ loa ngoài nên T biết rõ nội dung trao đổi nêu trên.

Từ ngày 05/4 đến ngày 09/4/2023, Nguyễn Ngọc T đã 04 lần chuyển tiền vào tài khoản của TGH với tổng số tiền 13.120USD (quy đổi thành tiền Việt Nam là 302.078.255 đồng). Ngày 10/4/2023, TA nói TGH chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của N ghi nội dung “de xu ly cong viec”, Huy chụp màn hình thể hiện việc chuyển tiền thành công gửi qua điện thoại cho TA, sau đó TA gửi hình ảnh này qua điện thoại cho H. Ngày 11/4/2023, N chuyển số tiền 250 triệu đồng vào tài khoản của ông NHT (chồng N) nhờ rút tiền mặt mang về nhà cất giữ và chuyển 50 triệu đồng để trả tiền nợ ngân hàng cho khoản vay mua nhà.

Ngày 19/4/2023, N báo cáo đề xuất người có thẩm quyền thuộc VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm Bản án dân sự số 82 theo đơn đề nghị của Trần Thị H và Nguyễn Ngọc T. Ngày 24/5/2023, VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 123/QĐ-VKS-DS đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 82 để xét xử lại. N chụp ảnh Quyết định kháng nghị nêu trên gửi qua điện thoại cho TA xem, sau đó TA chuyển tiếp qua điện thoại cho H.

Trong thời gian chờ xét xử giám đốc thẩm, TA gọi điện thoại cho H nói chuyện muốn được chấp nhận kháng nghị phải chi cho Tòa án khoảng 350.000.000 đồng, H và T đồng ý chi tiền, một thời gian sau Anh gọi điện thoại cho H thông báo phải chi 01 tỷ đồng, TA khuyên H không đưa tiền, nếu không được việc thì sẽ gửi đơn đến Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 10/8/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 169/2023/DS-GĐT, không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 123/QĐ-VKS-DS ngày 24/5/2023 của VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31/10/2023, Nguyễn Ngọc T và Trần Thị H gửi đơn tố cáo Đoàn Thị Ánh N, Hồ TA và ông VVC, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa giám đốc thẩm về hành vi nhận hối lộ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 917/2026/HS-ST ngày 29/6/2026 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 535/2026/TB-TA ngày 31/8/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Ánh N 04 (bốn) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 365, điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Hồ TA 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Môi giới hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt đối với Nguyễn Ngọc T và Trần Thị H, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2026 bị cáo Đoàn Thị Ánh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 08/7/2026 bị cáo Hồ TA kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Đoàn Thị Ánh N và về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự và bị cáo Hồ TA về tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 364 là có căn cứ, đúng pháp luật, mức hình phạt đã tuyên là thỏa đáng. Tại phiên tòa

phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ TA nêu ý kiến: Thống nhất với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như cấp sơ thẩm xét xử. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm, bị cáo không có gia đình riêng, hiện nay đang sống chung và trực tiếp phải chăm sóc cha mẹ đã già yếu đều là người có công với cách cách mạng, số tiền phạm tội trong vụ án này cũng đã nộp cho cơ quan điều tra; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm cùng với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Đoàn Thị Ánh N - Kiểm tra viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là người được phân công nghiên cứu giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm của Nguyễn Ngọc T (T Ngoc Nguyen) và Trần Thị H là bị đơn trong vụ án tranh chấp dân sự do Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm. Trong khoảng thời gian từ ngày 05/4/2023 đến ngày 09/4/2023, thông qua Hồ TA môi giới, Nguyễn Ngọc T và Trần Thị H đã chuyển cho Đoàn Thị Ánh N số tiền 300.000.000 đồng để N đề xuất người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm vụ án dân sự theo yêu cầu của Nguyễn Ngọc T và Trần Thị H. Ngày 24/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 123/QĐ-VKS-DS đề nghị Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2018/DS-ST để xét xử lại.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Đoàn Thị Ánh N về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự và Hồ TA về tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 365 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định là hợp

lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về mức hình phạt của bị cáo Đoàn Thị Ánh N, Hội đồng xét xử xét thấy sau khi hành vi phạm tội bị tố giác, bị cáo đã tích cực hoàn trả toàn bộ số tiền đã nhận, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm đã nêu; bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo (K vú), liệu trình điều trị kéo dài nên giảm cho bị cáo một mức hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Về kháng cáo xin hưởng án treo, xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về nội dung này.

Đối với bị cáo Hồ TA thực hiện hành vi môi giới hối lộ nhưng không nhằm mục đích hưởng lợi cá nhân, bản thân bị cáo cũng đã khuyên Trần Thị H không tiếp tục đưa thêm tiền hối lộ, là có hành vi tích cực làm giảm bớt tính chất nguy hiểm của tội phạm; gia đình bị cáo có công với cách mạng (mẹ ruột tham gia kháng chiến chống Mỹ, được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, cha ruột nhận huy hiệu 60 năm tuổi Đảng); bản thân bị cáo có thời gian dài cống hiến cho sự nghiệp tư pháp. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm đã nêu, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân đã 59 tuổi, không có gia đình riêng, hiện đang trực tiếp chăm sóc cha mẹ già yếu trên 80 tuổi, nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đoàn Thị Ánh N; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ TA. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 917/2026/HS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị Ánh N** 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Hồ TA 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Môi giới hối lộ”. Thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường QNN, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- TAND Khu vực 2; (2)
- Người bào chữa; (1)
- Bị cáo; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (20). (1)

Nguyễn Văn Hà